**DANH SÁCH THÀNH VIÊN TỔ HỢP TÁC**

**I. Thành viên là cá nhân**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên thành viên | Ngày, tháng, năm sinh | Số định danh cá nhân1 *hoặc*Số, ngày, cơ quan cấp CMND/Hộ chiếu | Giới tính | Quốc tịch | Dân tộc | Nơi thường trú | Nơi ở hiện tại | Vốn góp | Thời điểm hoàn thành góp vốn | Ghi chú |
| Giá trị phần vốn góp *(bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)* | Tỷ lệ (%) |
| **1** | **2** | **3** | ***4*** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |

**II. Thành viên là pháp nhân Việt Nam**

**1. Thông tin thành viên**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên thành viên | Số, ngày cấp, nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Quyết định thành lập hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức khác | Địa chỉ trụ sở chính | Vốn góp | Thời điểm hoàn thành góp vốn | Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư *(nếu có)* | Ghi chú |
| Giá trị phần vốn góp *(bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)* | Tỷ lệ (%) |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |

**2. Thông tin người đại diện hợp pháp của thành viên là pháp nhân**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên thành viên | Họ, chữ đệm và tên người đại diện | Ngày, tháng, năm sinh | Số định danh cá nhân2 *hoặc*Số, ngày, cơ quan cấp CMND/Hộ chiếu/ Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài) | Giới tính | Quốc tịch | Dân tộc | Nơi thường trú | Nơi ở hiện tại | Ghi chú |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |

|  |  |
| --- | --- |
|   | *........, ngày........tháng........năm......***NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA TỔ HỢP TÁC***(Ký và ghi họ tên)3* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1Nếu cột số 4 ghi Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 5, 6, 7, 8, 9.

2Nếu cột số 5 ghi Số định danh cá nhân thì không phải kê khai các cột số 6, 7, 8, 9, 10.

3Cá nhân (trong trường hợp đại diện tổ hợp tác là cá nhân) hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân (trong trường hợp đại diện tổ hợp tác là pháp nhân) ký trực tiếp vào phần này.